Mẫu số 04d[1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ, ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI, XÓA ĐĂNG KÝ THÔNG BÁO XỬ LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM LÀ ĐỘNG SẢN, CÂY HẰNG NĂM, CÔNG TRÌNH TẠM[2]

PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
Số tiếp nhận: Thời điểm tiếp nhận:.... *giờ.... phút, ngày..... tháng..... năm.....* **Người tiếp nhận** *(Ký và ghi rõ họ, tên)*

Kính gửi[3]: Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại:
.....

1. Thông tin chung

1.1. Người yêu cầu đăng ký

☐ Bên nhận bảo đảm ☐ Chi nhánh của pháp nhân, người đại diện[4]

1.2. Mã số tài khoản đăng ký trực tuyến *(nếu có)*:
.....

1.3. Nhận kết quả đăng ký: ☐ Trực tiếp tại cơ quan đăng ký

☐ Qua dịch vụ bưu chính *(ghi tên và địa chỉ người nhận)*:
.....
.....

☐ Cách thức điện tử (*nếu pháp luật quy định*):
.....

☐ Cách thức khác *(nếu được cơ quan đăng ký đồng ý)*:
.....

1.4. Địa chỉ để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết:
Họ và tên:.....
Số điện thoại:..... Thư điện tử *(nếu có)*:.....

---

[11] Ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ.

[22] Phiếu yêu cầu này được sử dụng trong đăng ký bằng văn bản giấy. Trường hợp đăng ký trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 24 và khoản 5 Điều 46 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

[33] Ghi đúng tên cơ quan đăng ký có thẩm quyền. Một phiếu yêu cầu đăng ký chỉ gửi đến một cơ quan đăng ký.

[44] Đánh dấu lựa chọn và kê khai trong trường hợp Quản tài viên; doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về phá sản.

2. Yêu cầu đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm ☐
2.1. Hợp đồng bảo đảm[5]:.....; số *(nếu có)*:..... Thời điểm có hiệu lực[6]: ngày..... tháng..... năm.....
2.2. Bên bảo đảm[7] Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân[8]/tên đầy đủ đối với tổ chức[9] *(viết chữ IN HOA):* ..... Địa chỉ:..... Giấy tờ xác định tư cách pháp lý[10]: ☐ Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/ Chứng minh quân đội ☐ Hộ chiếu ☐ Thẻ thường trú ☐ Mã số thuế Số:..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm....
2.3. Bên nhận bảo đảm[11] Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân[12]/tên đầy đủ đối với tổ chức[13] *(viết chữ IN HOA):* ..... Địa chỉ:.....

[55] Trường hợp này, đánh dấu đồng thời ô Chi nhánh của pháp nhân, người đại diện và ô Bên bảo đảm hoặc ô Bên nhận bảo đảm là pháp nhân thực hiện đăng ký thông qua chi nhánh hoặc của người được đại diện.

[66] Chỉ kê khai một hợp đồng bảo đảm và các phụ lục của hợp đồng đó (nếu có).

[77] Kê khai ngày công chứng, chứng thực (áp dụng đối với hợp đồng được công chứng, chứng thực); ngày có hiệu lực theo thỏa thuận trong hợp đồng (áp dụng đối với hợp đồng không được công chứng, chứng thực); ngày ký hợp đồng (áp dụng đối với hợp đồng không được công chứng, chứng thực và các bên không có thỏa thuận về ngày có hiệu lực trong hợp đồng).

[88] Trường hợp gồm nhiều người thì kê khai từng người theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này.

[99] Kê khai theo thông tin thể hiện trên Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân đối với công dân Việt Nam; Chứng minh quân đội đối với người đang công tác trong quân đội và không có Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân; Hộ chiếu đối với công dân nước ngoài; Thẻ thường trú đối với người không quốc tịch.

[1010] Kê khai theo thông tin thể hiện trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế (áp dụng cả trong trường hợp kê khai đối với chi nhánh) đối với tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam. Kê khai theo thông tin đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đối với tổ chức mang quốc tịch nước ngoài hoặc được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài.

[1111] Kê khai thông tin về một trong các loại giấy tờ: Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân đối với công dân Việt Nam; Chứng minh quân đội đối với người đang công tác trong quân đội và không có Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân; Hộ chiếu đối với công dân nước ngoài; Thẻ thường trú đối với người không quốc tịch; Mã số thuế đối với tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.

[1212] (Xem chú thích 8).

2.4. Tài sản bị xử lý

2.4.1. Mô tả tài sản bị xử lý là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

TT	Tên phương tiện, nhãn hiệu, màu sơn	Số khung	Biển số (nếu có)

2.4.2. Mô tả tài sản bảo đảm là tàu cá, phương tiện giao thông đường thủy nội địa, phương tiện giao thông đường sắt

TT	Tên phương tiện, nhãn hiệu (nếu có)	Số đăng ký (nếu có), cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký (nếu có)	Cấp phương tiện (nếu có)

2.4.3. Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh, kho hàng:

(i) Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh[14]:

Tên hàng hóa:.....

Giá trị hàng hóa ☐

.....

Loại hàng hóa ☐

.....

(ii) Kho hàng[15]:

.....

Địa chỉ hoặc số hiệu kho hoặc dấu hiệu khác của vị trí kho hàng

.....

2.4.4. Cây hằng năm, công trình tạm[16]:

---

[13][13] (Xem chú thích 9).

[14][14] (Xem chú thích 10).

[15] Trường hợp trong cùng một mục tài sản bảo đảm có nhiều tài sản thì kê khai từng tài sản theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này.

[16] Trường hợp người yêu cầu đăng ký có yêu cầu thông báo thế chấp phương tiện giao thông thì đánh dấu (X) vào ô tương ứng và kê khai tên, địa chỉ của cơ quan tiếp nhận thông báo.

.....
2.4.5. Quyền tài sản Tên quyền tài sản được dùng để bảo đảm[17]: ..... (i) Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng - Hợp đồng:.....; số *(nếu có):*.....; Thời điểm có hiệu lực[18]: ngày..... tháng..... năm..... - Các bên tham gia xác lập hợp đồng:..... (ii) Quyền tài sản phát sinh từ căn cứ khác - Tên căn cứ:..... - Tên chủ thể ban hành căn cứ:..... - Số căn cứ *(nếu có):*.....; thời điểm có hiệu lực hoặc thời điểm ký[19]: ngày..... tháng..... năm.....
2.4.6. Chứng khoán không đăng ký tập trung[20]: ....
2.4.7. Động sản khác[21]: ....
2.5. Lý do xử lý..... ....
2.6. Thời gian xử lý ....

[17] Kê khai theo giá trị hàng hóa hoặc theo loại hàng hóa.

[18] Không kê khai nhà kho, công trình xây dựng khác hoặc kho bãi được sử dụng cho việc chứa hoặc lưu trữ hàng hóa.

[19] Thông tin kê khai phải thể hiện được loại tài sản là cây hằng năm theo quy định của Luật Trồng trọt, là công trình tạm theo quy định của Luật Xây dựng.

[20] Có thể kê khai tên quyền cụ thể hoặc các, tất cả quyền tài sản. Quyền tài sản này không bao gồm các quyền đối với tài sản quy định tại khoản 2 Điều 44 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

[21] Kê khai ngày công chứng, chứng thực (áp dụng đối với hợp đồng được công chứng, chứng thực); ngày có hiệu lực theo thỏa thuận trong hợp đồng (áp dụng đối với hợp đồng không được công chứng, chứng thực); ngày ký hợp đồng (áp dụng đối với hợp đồng không được công chứng, chứng thực và các bên không có thỏa thuận về ngày có hiệu lực trong hợp đồng).

2.7. Địa điểm xử lý ....
3. Yêu cầu đăng ký thay đổi thông báo xử lý tài sản bảo đảm đã đăng ký ☐ 3.1. Số đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm cần thay đổi:..... 3.2. Nội dung cần thay đổi:..... 3.3. Nội dung thay đổi:..... ....
4. Yêu cầu xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm ☐ Số đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm cần xóa:.....
5. Giấy tờ kèm theo[22]: ....
Người yêu cầu đăng ký chịu trách nhiệm trước pháp luật về trung thực trong kê khai và về tính chính xác của thông tin được kê khai trong Phiếu yêu cầu này.

BÊN NHẬN BẢO ĐẢM
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN)
Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có), đóng dấu (nếu có)

[22] Kê khai ngày có hiệu lực thể hiện trên căn cứ hoặc ngày ký văn bản nếu trên căn cứ không thể hiện ngày có hiệu lực.

HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Nội dung kê khai phải trung thực, đầy đủ, chính xác.

2. Đối với phần kê khai có lựa chọn thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng được lựa chọn.

3. Gạch chéo đối với mục không có thông tin kê khai trên Phiếu yêu cầu đăng ký.

4. Thông tin được kê khai, nội dung liên quan trong Phiếu yêu cầu có thể được thể hiện trên nhiều trang. Trường hợp này, các trang phải được đánh số thứ tự và người yêu cầu đăng ký phải ký nháy vào từng trang.

5. Trường hợp có nhiều tài sản bảo đảm khác nhau nhưng có thể kê khai chung theo tính chất, đặc điểm của các tài sản đó thì người yêu cầu đăng ký có quyền lựa chọn kê khai chung về những tài sản đó hoặc kê khai chi tiết về từng tài sản.

Trường hợp tài sản bảo đảm tại các mục 2.4.1; 2.4.2; 2.4.3; 2.4.4; 2.4.5 là tài sản hình thành trong tương lai thì kê khai tại Mục 2.4.7, phù hợp với quy định tại Điều 45 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.